

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/6/2026

Về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Ngô Đình Tư

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An tham gia phiên tòa:
ông Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2026 về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2026/QĐST - DS ngày 25 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2026/QĐST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tăng Thị H**, sinh năm 1983

Số CCCD 040183018726 cấp ngày 03/7/2024

Nơi cư trú: **Thôn M, xã Đ, tỉnh Nghệ An** – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Ngô Kim T**, sinh năm 1986

Số CCCD 040086039372 cấp ngày 10/02/2022

Nơi cư trú: **Thôn M, xã Đ, tỉnh Nghệ An** – vắng mặt

Hiện đang xuất khẩu lao động tại nước Đức, không rõ địa chỉ cụ thể

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu nộp kèm nguyên đơn chị **Tăng Thị H** trình bày: Chị và anh **Ngô Kim T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại **UBND xã Đ, huyện D** cũ (nay là **xã Đ**), **tỉnh Nghệ An**. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau tình cảm, hạnh phúc. Anh **T** đã sang Đức sinh sống và làm việc từ năm 2023 cho đến nay. Từ khi anh **T** đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng không còn chung quan điểm và tính tình thay đổi, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn anh **Ngô Kim T**.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là **Ngô Tăng Kim C**, sinh ngày 18/10/2005; **Ngô Kim Anh T1**, sinh ngày 20/7/2007 và **Ngô Kim Thủy Đ**, sinh ngày 04/11/2015. Hiện nay, con chung **Ngô Tăng Kim C** và **Ngô Kim Anh T1** đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung **Ngô Kim Thủy Đ**, chị **H** có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành. Chị trình bày từ khi các con sinh ra đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con. Hiện nay cháu **Đ** đang sinh sống ổn định cùng chị, có sự gắn bó về tình cảm và môi trường sống. Anh **T** hiện đang lao động ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con. Chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương và làm việc với thân nhân của anh **Ngô Kim T**. Chị **Ngô Thị Thanh T2** là em gái của anh **T** có đơn trình bày xác nhận hiện nay anh **T** đang lao động tại **Cộng hòa Liên bang Đ** nên không thể về Việt Nam để giải quyết được, mẹ chị là bà **Trương Thị T3** không có nhà, người thân anh **T** còn có chị nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của anh **T** ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, anh **T** vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại nên các thủ tục do Tòa án thông báo chị đã thông báo đầy đủ đến anh **T**. Anh **T** đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị **H** và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là đúng quy định tại điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị **Tăng Thị H** được ly hôn anh **Ngô Kim T**; Giao con chung **Ngô Kim Thủy Đ** cho chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh **Ngô Kim T**; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết; án phí: chị **Tăng Thị H** phải chịu án phí theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh **Ngô Kim T** có đăng ký hộ khẩu tại **xóm H, xã Đ, tỉnh Nghệ An** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định hiện nay anh **Ngô Kim T** đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với anh **Ngô Kim T** và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, thân nhân đã có văn bản trình bày ý kiến. Do đó căn cứ vào các điều 70, điều 207, điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết và xét xử vắng mặt anh **Ngô Kim T**.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa chị **Tăng Thị H** và anh **Ngô Kim T** là hoàn toàn hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc giữa chị **Tăng Thị H** và anh **Ngô Kim T** đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách, thiếu sự hòa hợp nên dẫn đến tình cảm phai nhạt và cắt đứt liên lạc, không có khả năng đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị **H** cũng xác định không còn tình cảm gì với anh **T** nữa, hiện nay đã sống ly thân nhau, không có khả năng đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T4**. Riêng anh **T**, sau khi được người nhà thông báo toàn bộ nội dung khởi kiện của chị **H** thì anh cũng không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa chị **H** và anh **T** đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị **Tăng Thị H** được ly hôn với anh **Ngô Kim T**.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là **Ngô Tăng Kim C**, sinh ngày 18/10/2005; **Ngô Kim Anh T1**, sinh ngày 20/7/2007 và **Ngô Kim Thủy Đ**, sinh ngày

04/11/2015. Con chung **Ngô Tăng Kim C** và **Ngô Kim Anh T1** đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung **Ngô Kim Thủy Đ** đến khi trưởng thành. Xét nguyên đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đủ các điều kiện cơ sở vật chất để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, căn cứ điều kiện nuôi con thực tế, các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp và nguyện vọng của con chung Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên giao con chung **Ngô Kim Thủy Đ** cho chị **Tăng Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Ngô Kim T**.

[4]. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Án phí: Chị **Tăng Thị H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 228 điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị **Tăng Thị H** được ly hôn anh **Ngô Kim T**.

2. Về con chung: Các con chung **Ngô Tăng Kim C**, sinh ngày 18/10/2005; **Ngô Kim Anh T1**, sinh ngày 20/7/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung **Ngô Kim Thủy Đ**, sinh ngày 04/11/2015 cho chị **Tăng Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh **Ngô Kim T**.

Anh **Ngô Kim T** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị **Tăng Thị H** phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị **Tăng Thị H** được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002210 ngày 02/4/2026.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị **Tăng Thị H** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật .

Anh **Ngô Kim T** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 3 – Nghệ An;
- THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Đức Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Danh Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA